

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 22/8/2024

V/v: "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Quốc Hùng

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Phương Văn Tư
- Ông Hoàng Văn Xuân

Thư ký phiên toà: Bà La Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lục Sỹ M - Sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Bị đơn: Ông Nông Văn H. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nông Thị N - Sinh năm 1976. Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: Xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

+ Bà Nông Thị N1 - Sinh năm 1962. Có mặt.

Địa chỉ: Xóm P, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

+ Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm X - Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 04/8/2021 và quá trình giải quyết tại Tòa án ông Lục Sỹ M yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Ông M có 02 đám rẫy thuộc Luộc Bo Réo do bố mẹ ông khai phá từ năm 1965. Vị trí của 02 thửa đất tiếp giáp với các phần đất của các hộ gia đình: ông Nông Thế V, Nông Thị K, Nông Bá T (từ năm 1991 bà M1 mua đất với ông T nên tiếp giáp với phần đất bà Nông Thị M2), Lương Văn L, Lương Văn T1, Nông Văn P. Hai đám rẫy ông canh tác thường xuyên hàng năm trồng đỗ xanh, đỗ trắng, trồng khoai lang, khoai sắn trồng liên tục đến năm 2014, năm 2015, 2016 ông bỏ rẫy không trồng đến tháng 7 năm 2017 mẹ đẻ Nông Văn H là bà Nông Thị M2 đến trồng cỏ voi được 03 năm rồi trồng cỏ voi lâu dài dẫn đến tranh chấp. Ngày 20 tháng 3 năm 2021 ông lên nhà bảo bà Nông Thị M2, bà M2 bảo lấy một vụ nữa rồi thôi, ông M đã rộng lượng nhường cho làm thêm một vụ nữa. Khi ông mang 05 cây chuối về trồng trên đất rẫy của ông, trong khoảng 10 ngày gia đình Nông Văn H nhổ vứt xuống suối rồi làm đơn kiện ông. Nông Văn H là cán bộ địa chính tự lập danh sách diện tích đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng không thông qua tổ chức xóm và chính quyền địa phương; Việc ông H được cấp giấy chứng nhận ông M không biết, cho đến khi ông H trồng cỏ voi thì ông M mới phát hiện là phần đất của ông đã bị ông H kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số: 206 tờ bản đồ số 1, số vào sổ: AG 19597 do chủ tịch UBND huyện T cấp ngày 19/10/2006. Vì vậy, ông M đã làm đơn yêu cầu ông Nông Văn H trả lại 02 đám đất rẫy đã bị ông H đưa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nông Văn H thửa đất số: 206 tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất Đồi Bo Réo, xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại phiên tòa, ông M không thỏa thuận được với ông H và yêu cầu phần đất này không thuộc quyền sở hữu của ai nên giao cho nhà nước quản lý.

Bản tự khai ngày 11/10/2019, ông Nông Văn H khai:

Gia đình ông H có hai khu đất; Một khu đất lâm nghiệp và một đất nông nghiệp, khu đất nông nghiệp thường gọi là Nà Bó Réo trải dài theo Chân đồi gồm có 12 thửa có mốc giới giáp ranh các điểm rõ rệt khu đất hai đầu là công nhon giáp suối, và bên dưới giáp suối còn bên trên giáp với đất Lâm N2 và theo nguồn gốc đất được canh tác nông nghiệp (trồng Lúa nước) khoảng ba, bốn đời đến năm 1991 ông Nông Bá T cùng xóm bán nhượng quyền sử dụng đất cho gia đình ông H canh tác từ năm 1991 đến nay không có tranh chấp, và được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình H. Cụ thể, theo hiện trạng sử dụng đất và bản đồ địa chính thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất ở bờ trên toàn bụi rậm, hàng năm gia đình ông H thường xuyên phát quang lên vì sợ Chim, C ăn và bờ trên có độ dốc cao hàng năm phát quang lên khoảng 10m theo bờ đến phần giáp ranh với đất lâm nghiệp của nhà ông Lương Văn T1 và Lương Văn L quản lý, ngoài ra không giáp với ai. Và trồng cây bon rừng những chỗ đất trên bờ (còn gọi là cây phục phía) để được chắn lơn cho đến năm 2014 bắt đầu có giống cỏ voi VA06 ông mang về trồng ở bờ trên những chỗ đất bằng cho đến nay. Còn lô đất lâm nghiệp của gia đình ông thường gọi là Đồi Bo Réo cũng khoanh nuôi từ

năm 1994 đến nay từ lúc nhà nước có chủ trương khoanh nuôi rừng và giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình cá nhân để quản lý và gia đình ông H cũng thực hiện đúng theo nhà nước giao và đến nay không có tranh chấp, gia đình ông H được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, đến năm 2014 bắt đầu có giống cỏ voi VA06 ông mang về trồng ở bờ dưới những chỗ đất bằng cho đến nay. Cho đến ngày 20 tháng 3 năm 2021, Ông Lục Sỹ M có hộ khẩu thường trú tại xóm P, xã C ngang nhiên chiếm lấy đất bờ ruộng của ông và lấy chuối về trồng xuống bờ trên những đám ruộng của ông H ở những chỗ mà hiện nay ông H đang trồng cỏ voi. Ông H thấy việc làm này của ông M là chiếm đất bờ ruộng và phân dưới lô đất lâm nghiệp của ông là quá vô lý, từ lúc ông H sinh ra và lớn lên là 43 tuổi chưa thấy ai canh tác ở khu vực đất đó chỉ là bụi rậm. Còn ông M nói là đất của ông M là không đúng vì cũng chẳng có đất giáp ranh với đất nhà ông ở đây và cũng không có giấy tờ liên quan chứng minh ở khu vực đất đó, việc làm này của ông M là coi thường người khác mạnh ai người ấy lấy, coi thường pháp luật và không thể chấp nhận được. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng xem xét giải quyết xử lý hành vi chiếm đất của ông Lục Sỹ M và yêu cầu ông M phải trả lại bờ ruộng trên để hàng năm ông H còn phát quang không ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và số đất lâm nghiệp. Và yêu cầu ông M phải lấy các cây chuối đã trồng xuống đất của ông H đi trồng xuống chỗ khác trả lại cho ông đủ như Nhà nước đã công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho ông. Để chứng minh cho quyền sở hữu, ông H gửi kèm 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Nông nghiệp số : AH 190655 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 01 tháng 12 năm 2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp số : AG 19579 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19 tháng 10 năm 2006. Tại phiên tòa, ông H không thương lượng thỏa thuận và không chấp nhận yêu cầu của ông M, ông H cho rằng phần đất này không thuộc quyền sở hữu của ai và đề nghị giải quyết cho nhà nước quản lý.

Tòa án đã tiến hành xác minh về nguồn gốc đất với những người có đất giáp ranh phần đất hiện nay đang tranh chấp và những người sinh sống lâu năm tại địa phương, qua việc xác minh tất cả những người có đất giáp ranh đều không biết quá trình quản lý lâu dài của ông M và ông H đối với phần đất này. Và đều từ chối tham gia tố tụng trong vụ án.

Ngoài ra, Tòa án tiến hành xác minh với địa chính ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tại Biên bản làm việc ngày 26 tháng 7 năm 2024 có nội dung: "...Theo công văn yêu cầu cung cấp, tài liệu, chứng cứ của Tòa án, địa chính xã đã tiến hành tìm kiếm các tài liệu, hồ sơ liên quan đến phần đất đang có tranh chấp mà Tòa án yêu cầu. Qua tìm kiếm, đối chiếu các tài liệu đang được lưu giữ tại Ủy ban nhân dân xã N3: Sổ mục kê, Sổ địa chính, Bản đồ địa chính xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng thì phần đất đang có tranh chấp theo Sơ đồ trích đo thửa đất thuộc tờ bản đồ địa chính: Tờ số 10 (523581-1-2-a) do Trung tâm K1, môi trường tỉnh Cao Bằng đo đạc thì phần đất có diện tích tranh chấp là 1627.7m², không có tên trong sổ mục kê, sổ địa chính được lưu giữ tại

UBND xã, cũng như không có sơ đồ giải thửa của thửa đất đang tranh chấp tại tờ bản đồ địa chính Tờ số 10 (523581-1-2-a). Phần đất đang tranh chấp này không nằm trong phần đất công do Ủy ban nhân dân xã C quản lý. Hiện nay phần đất đang tranh chấp chưa được cấp hoặc đang trong quá trình làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân hoặc hộ gia đình nào...”

Đại diện UBND huyện trình bày: Đối với phần đất đang tranh chấp hiện nay có 271,7m nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông H, việc UBND huyện cấp giấy chứng nhận cho ông H là đúng với trình tự của pháp luật, do đó không có cơ sở phần đất này là lấn chiếm vào phần đất của ông M, vì hiện nay phần đất đang tranh chấp không có tên trên bản đồ giải thửa đo vẽ của cơ quan nhà nước quản lý đất đai. Về nguyên tắc, đây vẫn là đất do nhà nước quản lý. Nếu các bên không có tranh chấp với nhau mà chứng minh được việc quản lý lâu dài đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định thì có thể xem xét giao đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48, Điều 195, Điều 197, Điều 198, Điều 203, Điều 239, Điều 243 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 48, Điều 49 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc gửi các văn bản cho cơ quan tiến hành tố tụng và việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng khác: đúng quy định của pháp luật.

Đối với đương sự: từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 75, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa hôm nay các bên không chứng minh được việc quản lý lâu dài đối với phần đất đang tranh chấp. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao phần đất đang có tranh chấp 1.356m² cho UBND xã C quản lý theo quy định của pháp luật. Đối với phần đất 271,7m² nằm trong thửa đất 206 đã được cấp giấy chứng nhận cho ông H, không có căn cứ cho thấy ông H đã lấn chiếm đất của ông M, do đó phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông H.

Đề nghị Tòa án ra bản án đúng theo quy định của pháp luật.

Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về mặt tố tụng: nội dung vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

[2] Về mối quan hệ giữa các bên đương sự: Giữa ông Lục Sỹ M và ông Nông Văn H không có quan hệ họ hàng thân thích, chỉ là quan hệ hàng xóm với nhau.

[3] Về nguồn gốc tài sản đang tranh chấp:

- Về nguồn gốc đất:

+ Ông Lục Sỹ M cho rằng thửa đất số: 206 tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất Đồi Bo Réo, xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng là đất của bố mẹ đẻ ông M khai hoang quản lý từ những năm 1965 đến nay nhưng bị ông H kê khai vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Ông Nông Văn H cho rằng: Gia đình ông có 02 khu đất gồm một khu đất lâm nghiệp được nhà nước giao quyền sử dụng và một phần đất nông nghiệp thường gọi là Nà Bo Réo trải dài theo chân đồi gồm có 12 thửa đất được mua với ông Nông Bá T cùng xóm từ năm 1991, đến nay đất đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông H.

Tuy nhiên qua quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, qua các chứng cứ thu thập được Tòa án xác định phần đất hiện nay đang tranh chấp không nằm trong giấy chứng nhận tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất Đồi Bo Réo, xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng và cũng không có sổ giải thửa tại bản đồ địa chính và sổ mục kê của xã C, huyện T.

Như vậy, về nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp không có chứng cứ là thuộc về ông M hay ông H. Căn cứ theo luật đất đai hiện hành thì phần đất đang tranh chấp thuộc về Nhà nước quản lý.

[4] Quá trình quản lý và sử dụng đất:

Ông M cho rằng phần đất này được bố mẹ ông khai hoang và quản lý từ những năm 1965, khi bố mẹ ông còn sống bản thân ông M được theo bố mẹ lên canh tác trên phần đất này, khi bố mẹ ông chết đi ông cũng luôn canh tác thường xuyên và chỉ bỏ không canh tác vào năm 2014, 2015, 2016 do ông bận đi buôn bán làm ăn, đến năm 2017 thì phát sinh tranh chấp với gia đình ông Nông Văn H do gia đình ông H đã lấy cây cỏ voi trồng lên phần đất đó.

Ông Nông Văn H cho rằng phần đất đang tranh chấp hàng năm ông vẫn phát quang bờ để canh tác trên phần đất ruộng ông đã mua với ông Nông Bá T từ năm 1991 đến nay. Phần đất hiện nay đang tranh chấp nằm giữa phần đất nông nghiệp và phần đất lâm nghiệp của gia đình ông H nên từ trước đến nay không có ai canh tác trên phần đất đó.

Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy:

Ông Lục Sỹ M có canh tác trên phần đất nhưng không thường xuyên và liên tục điều này được thể hiện qua bản khai và lời trình bày của ông M tại phiên tòa đó là vào các năm 2014, 2015, 2016 ông M bỏ canh tác do ông bận đi buôn bán làm ăn, đến năm 2017 thì phát sinh tranh chấp với gia đình ông Nông Văn H.

Ông Nông Văn H cho rằng phần đất đang tranh chấp đã được gia đình ông quản lý và sử dụng từ những năm 1991 sau khi gia đình ông H mua phần đất nông nghiệp với ông Nông Bá T. Phần đất đang tranh chấp nằm ngay giữa 2 phần đất lâm nghiệp và đất ruộng của ông H nhưng khi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 2 phần đất trên ông H lại không kê khai phần đất này để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này cho thấy tại thời điểm kê khai cấp giấy quyền sử dụng đất vào năm 2004 phần đất đang tranh chấp ông H chưa quản lý và sử dụng phần đất này.

Như vậy, cả ông M và ông H không chứng minh được quá trình quản lý và sử dụng liên tục, lâu dài và ngay tình đối với phần đất hiện nay đang tranh chấp. Tại phiên tòa ông M và ông H đều yêu cầu phần đất này không thuộc quyền sở hữu của ai mà giao cho nhà nước quản lý.

[5] Về yêu cầu khởi kiện:

Ông M yêu cầu ông H trả lại diện tích 2 thửa đất đã bị ông H đưa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 206 tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất Đồi Bo Réo, xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, qua quá trình giải quyết thửa đất số thửa đất số 206 tờ bản đồ số 1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ông Nông Văn H không phải toàn bộ phần diện tích đất đang tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông H, mà chỉ có 271,7m² (theo chỉ mốc giới tranh chấp của nguyên đơn) là nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được nhà nước cấp cho ông H; Tuy nhiên, phần đất 271,7m² này không có căn cứ cho rằng là phần đất của ông M quản lý bị ông H đưa vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 206 vì theo công văn số: 165/VPĐKĐĐ ngày 20/6/2023 của văn phòng Đ chi nhánh huyện T thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng được thực hiện theo đúng trình tự về thủ tục của pháp luật; Mặt khác phần đất hiện nay đang tranh chấp không có tên trong sổ mục kê, sổ địa chính và không có giải thửa của thửa đất đang có tranh chấp trong bản đồ địa chính, nên không thể xác định được thửa đất số 206 đã lấn chiếm lên phần đất của ông M đang quản lý, canh tác; Thửa đất số 206 được cấp đúng với tổng diện tích đất mà ông H được

nhà nước giao đất theo Quyết định số: 213/QĐ-UB ngày 20/4/2006. Như vậy, không có căn cứ cho rằng thửa số 206 đã lấn chiếm sang phần đất của ông M như ông M đã xác định tại buổi thẩm định tại chỗ. Phần đất tranh chấp còn lại có diện tích 1.356m² không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H. Tổng diện tích đất đang tranh chấp có các vị trí tiếp giáp như sau: Phía đông giáp với phần đất ông Lương Văn T1, ông Nông Văn H, phía tây giáp đất ruộng Nông Văn H, phía Bắc và phía nam giáp phần đất ông Lục Sỹ M (Phần đất này không có tên trong sổ mục kê, sổ địa chính và không có giải thửa của thửa đất đang có tranh chấp trong bản đồ địa chính của UBND xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bên đương sự không chứng minh được về quá trình quản lý lâu dài để đủ điều kiện xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Nên phần đất này thuộc quyền quản lý của nhà nước theo quy định của luật đất đai cụ thể được quy định tại khoản 7 Điều 81 Luật đất đai 2024.

Từ những căn cứ nêu trên xét thấy việc yêu cầu của nguyên đơn là không có căn cứ đối với toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Cụ thể:

Đối với phần đất 271,7m² (theo chỉ mốc giới của nguyên đơn tại buổi thẩm định) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 195579, ngày 19/10/2006 do UBND huyện T cho hộ gia đình ông Nông Văn H là đúng quy định của pháp luật nên phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông H.

Phần đất tranh chấp còn lại có diện tích 1.356m² các bên không chứng minh được quyền quản lý và sử dụng lâu dài, do đó theo quy định của luật đất đai thì phần đất này thuộc quyền quản lý của nhà nước.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng:

Do yêu cầu của ông Lục Sỹ M không được chấp nhận toàn bộ nên ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng dân sự. Ông M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004079 ngày 26/10/2021 và Ông M đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ theo giấy Biên nhận ngày 10/01/2022. Tòa án đã tiến hành chi cho việc thẩm định 2.000.000đ theo Bảng kê thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/4/2022 và 3.000.000đ theo Phiếu thu của Trung tâm K1, ngày 09/5/2022. Tổng chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ. Ông M đã nộp đủ án phí và chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 7 Điều 81, điểm b khoản 2 Điều 236 Luật đất đai 2024

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lục Sỹ M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với ông Nông Văn H.

Nay xử:

- Thừa đất số 206, tờ bản đồ số 1, địa chỉ thửa đất Đồi Bo Réo, xóm Đ, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: AG 19597 do UBND huyện T cấp ngày 19/10/2006 cho hộ gia đình ông Nông Văn H, thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Nông Văn H.

- Phần đất tranh chấp có diện tích 1.356m² (không có số thửa đất trong bản đồ địa chính của UBND xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng) có các cạnh tiếp giáp như sau: phía Đông giáp với phần đất ông Lương Văn T1, ông Nông Văn H, phía Tây giáp đất ruộng Nông Văn H, phía Bắc và phía Nam giáp phần đất ông Lục Sỹ M (Có sơ đồ thẩm định kèm theo) thuộc quyền quản lý của Nhà nước theo quy định của Luật đất đai.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Do yêu cầu của ông Lục Sỹ M không được chấp nhận toàn bộ nên ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng dân sự. Ông M đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004079 ngày 26/10/2021 và Ông M đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ theo giấy Biên nhận ngày 10/01/2022. Tòa án đã tiến hành chi cho việc thẩm định 2.000.000đ theo Bảng kê thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/4/2022 và 3.000.000đ theo Phiếu thu của Trung tâm K1 ngày 09/5/2022. Tổng chi phí cho việc xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ. Xác nhận ông M đã nộp đủ án phí và chi phí tố tụng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến phần quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án liên quan đến phần quyền lợi, nghĩa vụ trong thời hạn 15 kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Phần kiến nghị: Kiến nghị với UBND huyện T, tỉnh Cao Bằng giao cho UBND xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng có phương án quản lý đối với phần đất 1.356m² nêu trên theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát huyện Trùng Khánh;
- Thi hành án DS huyện Trùng Khánh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Quốc Hùng